



DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Проверка, выдача сертификата для системы GMDSS по требованию Регистра
Số ĐHXN - № заявки: 90.XVTB-0068/26-TDV

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во	Ghi Chú Примечание
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
II. DỊCH VỤ						
1	998.003.00001	Dịch vụ kiểm tra, cấp phép cho hệ thống GMDSS hoạt động theo định kỳ sửa chữa tàu hàng năm của Đăng kiểm tại Vũng tàu , Sài gòn. Служба инспекции и лицензирования системы ГМССБ для работы в соответствии с годовым периодом ремонта судов Регистрацией в Вунгтау, Сайгон.	Kiểm tra và cấp phép, xuất các bảng thử và báo cáo cho các thiết bị GMDSS theo như danh mục mà Đăng kiểm yêu cầu cho từng tàu. Ежегодные испытания, выдача таблиц и протоколов испытаний оборудования ГМССБ по перечню, требуемому Регистром для каждого судна.	Lần	19,00	
2	998.003.00001	Dịch vụ kiểm tra, cấp phép cho hệ thống GMDSS hoạt động theo định kỳ sửa chữa tàu hàng năm của Đăng kiểm tại Dung Quất hoặc Đà Nẵng Служба инспекции и лицензирования системы ГМССБ для работы в соответствии с годовым периодом ремонта судов Регистрацией в Дунг Кват или Дананг	Kiểm tra và cấp phép, xuất các bảng thử và báo cáo cho các thiết bị GMDSS theo như danh mục mà Đăng kiểm yêu cầu cho từng tàu. Ежегодные испытания, выдача таблиц и протоколов испытаний оборудования ГМССБ по перечню, требуемому Регистром для каждого судна.	Lần	5,00	
3	998.003.00001	Dự kiến Dịch vụ kiểm tra, cấp phép cho hệ thống GMDSS hoạt động khi tàu gia hạn đăng kiểm tại Vũng Tàu Ожидается, что служба инспекции и	Kiểm tra và cấp phép, xuất các bảng thử và báo cáo cho các thiết bị GMDSS theo như danh mục mà Đăng kiểm yêu cầu cho từng tàu. Ежегодные испытания, выдача таблиц и протоколов испытаний оборудования ГМССБ по перечню, требуемому Регистром для каждого судна.	Lần	7,00	

		лицензирования для системы ГМССБ будет работать, когда судно продлит регистрацию в Вунгтау.				
4	998.003.00001	Khử độ lệch la bàn từ và cấp giấy chứng nhận theo yêu cầu của đăng kiểm Откалибровать девиацию магнитного компаса и предоставить сертификат в соответствии с требованиями Регистра.	Khử độ lệch la bàn từ và cấp giấy chứng nhận theo yêu cầu của đăng kiểm Откалибровать девиацию магнитного компаса и предоставить сертификат в соответствии с требованиями Регистра.	Lần	6,00	

(*) : New items

Phó Giám đốc XN
Зам. директора Предприятия

Giám đốc XN
Директор Предприятия

_____ **Воробьев К. В**

_____ **Зыонг Бинь Минь**

Thỏa thuận/ Согласовано:

T.P BDKT&SC – Начальник ОТО и Р

_____ Mai Phuong Nam

P. KHKTТ-ОПиЭФ ПМТиВР

_____ Đặng Thế Long

Người thực hiện /Исполнитель:

C.V PBDKT&SC:

_____ Lưu Hoài Sơn



Мединский В. Е.

**YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI DỊCH VỤ
DỊCH VỤ KIỂM TRA HÀNG NĂM HỆ THỐNG GMDSS CHO ĐỘI TÀU XI
NGHIỆP VTB & CTL THEO YÊU CẦU ĐĂNG KIỂM**

1	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG DỊCH VỤ
1.1	Mục đích: Cung cấp đầy đủ các báo cáo và giấy chứng nhận của các trang thiết bị GMDSS theo quy định SOLAS và đăng kiểm.
1.2	Phạm vi công việc: Kiểm tra, thử các thiết bị thuộc hệ thống GMDSS sau đó xuất các báo cáo, chứng nhận cho các tàu theo quy định Đăng kiểm.
2	YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ:
2.1	Yêu cầu chính của dịch vụ: Dịch vụ bao gồm các công việc kiểm tra tình trạng kỹ thuật, sự phù hợp của các trang thiết bị, (GMDSS: INMASART-C, VHF, MFHF, SART, EPIRB, AIS, GPS, Magnetic Compass...) trên các tàu của XNVTB&CTL. Xuất các báo cáo kiểm tra và chứng chỉ phù hợp theo quy định SOLAS và cơ quan đăng kiểm.
3	YÊU CẦU VỀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC DỊCH VỤ:
3.1	Nhà thầu phải cung cấp trọn gói dịch vụ theo khối lượng công việc như danh mục đơn hàng.
4	YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN ĐỐI VỚI THIẾT BỊ, DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ DO NHÀ THẦU CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ:
4.1	Đối với thiết bị, dụng cụ: Phải ở trong tình trạng kỹ thuật tốt và đảm bảo có các chứng chỉ kiểm định theo quy định.
5	YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU:
5.1	Nhà thầu đã từng thực hiện những công việc này (hoặc nhà thầu có thể chứng minh khả năng thực hiện các công việc bằng hồ sơ dự thầu, nếu cần thiết nhân sự của chủ đầu tư có thể kiểm tra xác minh thực tế).
5.2	Nhà thầu có giấy chứng nhận năng lực cung cấp dịch vụ do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp về lĩnh vực kiểm tra thử các thiết bị hàng hải thuộc hệ thống GMDSS và còn hiệu lực ít nhất 6 tháng kể từ khi nộp hồ sơ dự thầu.
5.3	Nhân lực tham gia thực hiện dịch vụ phải có chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc.
5.4	Số lượng nhân sự đủ điều kiện thực hiện dịch vụ ít nhất là 3 người
6	THỜI HẠN THỰC HIỆN DỊCH VỤ:
6.1	Thời gian thực hiện tại tàu tối đa 1 ngày cho 1 tàu.
6.2	Lịch thực hiện dịch vụ cho từng tàu sẽ được thông báo trước cho nhà thầu 2 ngày theo kế hoạch khai thác tàu và lịch đăng kiểm của các tàu.
7	TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU:
7.1	Phối hợp với Vietsovpetro lập kế hoạch thực hiện.
7.2	Thực hiện đầy đủ các hạng mục và nội dung công việc của dịch vụ, đảm bảo chất lượng và tiến độ.
8	TRÁCH NHIỆM CỦA VIETSOVPETRO:
8.1	Tạo điều kiện để nhà thầu thực hiện dịch vụ trên các tàu của VSP.
8.2	Hướng dẫn về an toàn cho nhân sự của nhà thầu vào làm việc trong VSP.
8.3	Giám sát và kiểm tra, thỏa thuận với nhà thầu về các bước thực hiện dịch vụ.
9	YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG:
9.1	Nhà thầu được yêu cầu cam kết chấp hành nghiêm các nội quy, quy định về an toàn lao động của Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro; tuân thủ Quy định của LD VN Vietsovpetro về quản lý ATSKMT đối với các nhà thầu.

10	YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT:
10.1	Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật nhà thầu cần cung cấp kèm theo chào hàng giai đoạn đấu thầu, ít nhất bao gồm: – Hồ sơ năng lực của nhà thầu bao gồm các tài liệu, chứng chỉ, kinh nghiệm... của nhà thầu liên quan đến năng lực thực hiện dịch vụ. – Hồ sơ năng lực chuyên gia và cán bộ kỹ thuật tham gia thực hiện dịch vụ. – Cung cấp chứng chỉ của các dụng cụ, thiết bị dùng để thực hiện dịch vụ.
10.2	Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật khi thực hiện dịch vụ: – Cung cấp chứng chỉ thử định kỳ thiết bị EPIRB và báo cáo kiểm tra EPIRB. – Cung cấp báo cáo kiểm tra SSAS với những tàu có trang bị SSAS. – Cấp chứng chỉ thử định kỳ cho SART – Cấp chứng chỉ thử định kỳ cho AIS – Cấp chứng chỉ hiệu chuẩn hằng năm cho la bàn từ. – Lập biên bản kiểm tra (Check list for initial/survey of Cargo ship safety Radio equipment GMDSS), Survey Report và các giấy tờ cần thiết về thông số các thiết bị đã được kiểm tra để trình Đăng kiểm.
11	CHỨNG CHỈ CẦN THIẾT:.
11.1	Giấy bảo hành của nhà cung cấp dịch vụ (bản gốc).
11.2	Biên bản nghiệm thu kỹ thuật cho dịch vụ đối với từng tàu.
12	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VỀ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA KẾT QUẢ DỊCH VỤ VỚI ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT CỦA VIETSOVPETRO
12.1	Hồ sơ chào thầu phần kỹ thuật được đánh giá theo Bảng Tiêu chí đánh giá kỹ thuật/ Bảng chấm điểm các chào hàng kỹ thuật kèm theo.

Thỏa thuận-Согласовано:

Tr P.BDKT&SC Начальник ОТОиР: _____ Mai Phương Nam

P BDKTSC Зам. начальника ОТОиР: _____ Phạm Văn Hùng

Soạn thảo/Исполнитель:

Chuyên viên/Специалист: _____

Kỹ Sư/Инженер: _____

Мединский В. Е.

**ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ НА ПРОВЕРКА, ВЫДАЧА СЕРТИФИКАТА
ДЛЯ СИСТЕМЫ GMDSS ПО ТРЕБОВАНИЮ РЕГИСТРА**

1	ЦЕЛЕВОЕ НАЗНАЧЕНИЕ ПО ПРИОБРЕТЕНИЮ УСЛУГ:
1.1	Цель: Предоставление полных отчетов и сертификатов оборудования GMDSS в соответствии с правилами SOLAS.
1.2	Объем работ: Проверка и испытание оборудования системы GMDSS, затем выдача отчетов и сертификатов для судов в соответствии с правилами классификации.
2	ОБЩИЕ ТРЕБОВАНИЯ К УСЛУГАМ:
2.1	Основные требования услуги: Услуга включает проверку состояния и соответствие техническим требованиям оборудования (GMDSS: INMASART-C, VHF, MFHF, SART, EPIRB, AIS, GPS, Magnetic Compass...) на судах ПМТиВР. Выдача отчетов об осмотре и сертификатов соответствия в соответствии с правилами SOLAS и классификационного общества.
3	ТРЕБОВАНИЯ К ОБЪЕМУ РАБОТ:
3.1	Подрядчик должен предоставить полный пакет услуг в соответствии с объемом работ, указанным в заказе.
4	ОСНОВНЫЕ ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ К ОБОРУДОВАНИЮ, ИНСТРУМЕНТАМ И МАТЕРИАЛАМ, ПРЕДОСТАВЛЯЕМЫМ ИСПОЛНИТЕЛЕМ ДЛЯ ВЫПОЛНЕНИЯ УСЛУГИ:
4.1	Требования к оборудованию и инструментам: должны быть в надлежащем техническом состоянии и иметь акты проверки в установленном порядке.
5	ТРЕБОВАНИЯ К ПОДРЯДЧИКАМ:
5.1	Подрядчик уже выполнял данные задачи (или подрядчик может продемонстрировать способность выполнять задачи через тендерную документацию, при необходимости персонал инвестора может проверить фактическую ситуацию).
5.2	Подрядчик имеет сертификат о возможности предоставления услуг, выданный Вьетнамским регистром в области тестирования морского оборудования, относящегося к системе ГМССБ, и действительный в течение не менее 6 месяцев с даты подачи заявки.
5.3	Персонал, участвующий в обслуживании, должен иметь профессиональные сертификаты, соответствующие работе.
5.4	Количество квалифицированного персонала для выполнения услуги – не менее 3 человек.
6	ОКАЗАНИЯ УСЛУГИ:
6.1	Максимальное время нахождения на борту составляет 1 день для 1 судна.
6.2	График обслуживания каждого судна будет сообщен подрядчику за 2 дня в соответствии с планом эксплуатации судна и графиком осмотра судна.
7	ОБЯЗАННОСТИ ПОДРЯДЧИКА:
7.1	Координировать с Vietsovpetro планы выполнения работ.
7.2	Полностью реализовать элементы услуг и содержание работ, гарантируя качество и прогресс.
8	ОБЯЗАННОСТИ СП «ВЬЕТСОВПЕТРО»:
8.1	Содействовать подрядчикам в выполнении услуг на судах VSP.
8.2	Инструкции по технике безопасности для персонала подрядчика, работающего в VSP.
8.3	Контролировать и проверять, согласовывать с подрядчиком этапы выполнения услуг.

9	ТРЕБОВАНИЯ ПО ОХРАНЕ ТРУДА, ПРОМЫШЛЕННОЙ ГИГИЕНЕ, ЭКОЛОГИЧЕСКОЙ БЕЗОПАСНОСТИ:
9.1	Подрядчики обязаны строго соблюдать положения и правила по охране труда совместного вьетнамо-российского предприятия «Вьетсовпетро»; соблюдать Положение совместного вьетнамо-российского предприятия «Вьетсовпетро» по управлению охраной труда и промышленной безопасностью для подрядных организаций.
10	ТРЕБОВАНИЯ К ТЕХНИЧЕСКИМ ДОКУМЕНТАМ:
10.1	Требования к техническим документам, которые подрядчик должен предоставить вместе с предложением на этапе торгов, включая как минимум: – Профиль возможностей подрядчика, включая документы, сертификаты, опыт... подрядчика, связанные с возможностями выполнения услуги. – Профиль возможностей экспертов и технического персонала, участвующих в выполнении услуги. – Предоставить сертификаты на инструменты и оборудование, используемые для выполнения услуги.
10.2	Требования к технической документации при выполнении услуги: – Предоставить сертификаты периодических испытаний оборудования EPIRB и отчеты об осмотре EPIRB. – Предоставить отчеты об осмотре SSAS для судов, оборудованных SSAS. – Выдать сертификаты периодических испытаний для SART – Выдать сертификаты периодических испытаний для AIS – Выдать ежегодные сертификаты калибровки для магнитных компасов. – Подготовить отчеты об осмотре (контрольный список для первоначального/освидетельствования безопасности грузового судна, радиооборудования GMDSS), отчет об обслуживании и необходимые документы по параметрам проверенного оборудования для предоставления в Регистр.
11	ТРЕБОВАНИЯ К СЕРТИФИКАТАМ
11.1	Гарантия поставщика услуг (оригинал).
11.2	Технический акт приемки услуг для каждого судна.
12	МЕТОД ОЦЕНКИ СООТВЕТСТВИЯ РЕЗУЛЬТАТОВ УСЛУГ ТЕХНИЧЕСКИМ УСЛОВИЯМ ВЬЕТСОВПЕТРО
12.1	Технические конкурсные документы оцениваются в соответствии с прилагаемой Таблицей критериев технической оценки/Таблицей оценки технических конкурсных предложений.

Согласовано:

Начальник ОТОиР: _____ **Mai Phương Nam**

Зам. начальника ОТОиР: _____ **Phạm Văn Hùng**

Исполнитель:

Специалист: _____

Инженер: _____

Мединский В. Е.

TECHNICAL REQUIREMENTS
ANNUAL INSPECTION SERVICE OF GMDSS SYSTEM FOR VESSELS
ACCORDING TO CLASSIFICATION REGULATIONS

1	PURPOSE AND SCOPE OF WORK:
1.1	Purpose: Provide full reports and certificates of GMDSS equipment according to SOLAS regulations and registration.
1.2	Scope of work: Inspect and test GMDSS system equipment, then issue reports and certificates for ships according to Classification regulations.
2	GENERAL REQUIREMENTS FOR SERVICES:
2.1	Main requirements of the service: The service includes checking the technical condition and conformity of equipment (GMDSS: INMASART-C, VHF, MFHF, SART, EPIRB, AIS, GPS, Magnetic Compass...) on XNVTB&CTL's vessels. Issue inspection reports and certificates of conformity according to SOLAS regulations and the classification society.
3	WORKLOAD REQUIREMENT:
3.1	The contractor must provide a complete service package according to the volume of work as listed in the order.
4	BASIC TECHNICAL REQUIREMENTS FOR EQUIPMENT, TOOLS AND MATERIALS PROVIDED BY THE CONTRACTOR TO PERFORM THE SERVICE:
4.1	For equipment and tools: Must be in good technical condition and have inspection certificates as prescribed.
5	REQUIREMENTS FOR CONTRACTORS
5.1	The contractor has performed these tasks (or the contractor can demonstrate the ability to perform the tasks through the bidding documents, if necessary, the investor's personnel can verify the actual situation).
5.2	The Contractor has a certificate of service provision capacity issued by the Vietnam Register in the field of testing marine equipment belonging to the GMDSS system and is valid for at least 6 months from the date of submission of the bid.
5.3	Personnel participating in the service must have professional certificates appropriate to the job.
5.4	The number of qualified personnel to perform the service is at least 3 people.
6	SERVICE PERFORMANCE TIME:
6.1	Maximum on-board time is 1 day for 1 ship.
6.2	The service schedule for each vessel will be notified to the contractor 2 days in advance according to the vessel operation plan and vessel inspection schedule.
7	CONTRACTOR'S RESPONSIBILITIES:
7.1	Coordinate with Vietsovpetro to plan implementation.
7.2	Fully implement service items and work contents, ensuring quality and progress.
8	RESPONSIBILITIES OF VIETSOVPETRO:
8.1	Facilitate contractors to perform services on VSP vessels.
8.2	Safety instructions for contractor personnel working in VSP.
8.3	Monitor and inspect, agree with the contractor on service implementation steps.

9	REQUIREMENTS ON LABOR SAFETY, INDUSTRIAL HYGIENE, ENVIRONMENTAL SAFETY:
9.1	Contractors are required to commit to strictly comply with the regulations and rules on labor safety of the Vietnam-Russia Joint Venture Vietsovpetro; comply with the Regulations of the Vietnam-Russia Joint Venture Vietsovpetro on occupational safety and health management for contractors.
10	TECHNICAL DOCUMENT REQUIREMENTS:
10.1	Requirements for technical documents that the contractor must provide with the bidding stage offer, including at least: – The contractor's capacity profile including documents, certificates, experience... of the contractor related to the capacity to perform the service. – Capacity profile of experts and technical staff participating in the service performance. – Provide certificates of tools and equipment used to perform the service.
10.2	Technical documentation requirements when performing the service: – Provide periodic test certificates for EPIRB equipment and EPIRB inspection reports. – Provide SSAS inspection reports for ships equipped with SSAS. – Issue periodic test certificates for SART – Issue periodic test certificates for AIS – Issue annual calibration certificates for magnetic compasses. – Prepare inspection reports (Check list for initial/survey of Cargo ship safety Radio equipment GMDSS), Service Report and necessary documents on parameters of inspected equipment to submit to the Register.
11	CERTIFICATES REQUIREMENT:
11.1	Service provider's warranty (original).
11.2	Technical acceptance report for services for each ship.
12	METHOD OF EVALUATION OF THE CONFORMITY OF SERVICE RESULTS WITH VIETSOVPETRO'S TECHNICAL CONDITIONS
12.1	Technical bidding documents are evaluated according to the attached Technical Evaluation Criteria Table/Technical Bidding Scoring Table.

Agreement:

HEAD OF TECHNICAL DEPARTMENT: _____ **Mai Phương Nam**

DEPUTY OF TECHNICAL DEPARTMENT: _____ **Phạm Văn Hùng**

Executor::

Technical Specialist: _____

Engineer: _____





LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO
XN VTB & CTL

"УТВЕРЖДАЮ"
Главный инженер – ПМТиВР

Мединский В. Е.

ТАБЛИЦА КРИТЕРИЕВ ТЕХНИЧЕСКОЙ ОЦЕНКИ
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT
TABLE OF TECHNICAL EVALUATION CRITERIA

PROVERKA, VYDACHA SERTIFIKATA DLYA SISTEMY GMDSS PO TREBOVANIYU REGISTRA
DỊCH VỤ KIỂM TRA HÀNG NĂM HỆ THỐNG GMDSS CHO ĐỘI TÀU XÍ NGHIỆP VTB & CTL THEO YÊU CẦU ĐĂNG KIỂM
ANNUAL INSPECTION SERVICE OF GMDSS SYSTEM FOR VESSELS ACCORDING TO CLASSIFICATION REGULATIONS

Подробная информация по количеству баллов технической оценки представлена ниже:

Bảng thông tin chi tiết về số điểm đánh giá kỹ thuật được đưa ra dưới đây:

Detailed information on the number of points of the technical evaluation is given below:

STT	Các tiêu chí đánh giá Критерий оценки Evaluation criteria	Yêu cầu Требования Requirements	Điểm đánh giá Оценочный балл Rating point		Kết quả Результат Result	Ghi chú Примечание Note
			Tổng Всего Total	Mức Ур. Lev. 1		
1	YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ/ ОБЩИЕ ТРЕБОВАНИЯ ПРИ ОКАЗАНИИ УСЛУГ					
1.1	Phạm vi công việc/ Объем работ/ Scope of work	Nhà thầu chào đầy đủ phạm vi công việc của dịch vụ. Подрядчик предложил полный объем работ по услуге. The contractor has offered a full scope of work for the service.	8	100%		
		Không đáp ứng về các yêu cầu như trên. Не соответствует вышеуказанным требованиям. Does not meet the above requirements.		0%		
1.2	Yêu cầu chung của dịch vụ/Общие требования к обслуживанию/ General requirement for service	Hồ sơ dự thầu kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu chính của dịch vụ (2.1 YCKT). Исполнитель предоставил техническое предложение, отвечающее основным требованиям услуги (2.1 Технические требования). The Contractor has submitted a technical proposal that meets the main requirements of the service (2.1 Technical requirements).	10	100%		
		Không đáp ứng về các yêu cầu như trên. Не соответствует вышеуказанным требованиям. Does not meet the above requirements.		0%		

2YÊU CẦU VỀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC DỊCH VỤ/ТРЕБОВАНИЯ К ОБЪЕМУ РАБОТ УСЛУГ						
2.1	Yêu Cầu Về Khối Lượng Công Việc Dịch Vụ//Требования К Объему Работ Услуг/Workload Requirement	Nhà thầu chào kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về khối lượng của dịch vụ. Подрядчик предоставил технические ответы относительно объема работ по услуге. The contractor has offered technical responses regarding the volume of work for the service	5	100%		
		Không đáp ứng về các yêu cầu như trên. Не соответствует вышеуказанным требованиям. Does not meet the above requirements.		0%		
3YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN ĐỐI VỚI THIẾT BỊ, DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ DO NHÀ THẦU CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ/ТРЕБОВАНИЯ К ОБОРУДОВАНИЮ, МАТЕРИАЛАМ И ЗАПЧАСТЯМ, НЕОБХОДИМЫМ ДЛЯ ВЫПОЛНЕНИЯ УСЛУГ						
3.1	Yêu Cầu Kỹ Thuật Cơ Bản Đối Với Thiết Bị, Dụng Cụ Và Vật Tư Do Nhà Thầu Cung Cấp Để Thực Hiện Dịch Vụ /Требования К Оборудованию, Материалам И Запчастям, Необходимым Для Выполнения Услуг/ basic technical requirements for equipment, tools and materials provided by the contractor to perform the service	Nhà thầu đã chào kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về các dụng cụ và vật tư sử dụng để thực hiện dịch vụ. Подрядчик представил технические предложения, соответствующие требованиям к инструментам и материалам, используемым для выполнения услуги. The contractor has submitted technical proposals that meet the requirements for the tools and materials used to perform the service.	5	100%		
		Không đáp ứng được các yêu cầu về an toàn như trên. Не соответствует вышеуказанным требованиям безопасности. Does not meet the abow requirements.		0%		
4YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU/ ТРЕБОВАНИЯ К ПОДРЯДЧИКАМ						
4.1	Yêu Cầu Đối Với Nhà Thầu (5.1 YCKT)/Требования К Подрядчику (5.1 Технические требования) /Requirements for contractors (5.1 Technical requirements)	Nhà thầu chào kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu đối với nhà thầu trong (5.1 Yêu cầu kỹ thuật). Подрядчик представил техническое предложение, которое соответствует требованиям к подрядчикам, изложенным в (5.1 Технические требования). The Contractor has submitted a technical proposal that meets the requirements for contractors in (5.1 Technical requirements).	10	100%		
		Không đáp ứng được các yêu cầu về an toàn như trên. Не соответствует вышеуказанным требованиям безопасности. Does not meet the above requirements.		0%		

4.2	Yêu Cầu Đối Với Nhà Thầu (5.2 YCKT)/Требования К Подрядчику (5.2 Технические требования)/Requirements for contractors (5.2 Technical requirements)	Nhà thầu chào kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu đối với nhà thầu trong (5.2 Yêu cầu kỹ thuật). Подрядчик представил техническое предложение, которое соответствует требованиям к подрядчикам, изложенным в (5.2 Технические требования). The Contractor has submitted a technical proposal that meets the requirements for contractors in (5.2 Technical requirements).	10	100%		
		Không đáp ứng được các yêu cầu về an toàn như trên. Не соответствует вышеуказанным требованиям безопасности. Does not meet the above requirements.		0%		
4.3	Yêu Cầu Đối Với Nhân sự Nhà Thầu (5.3, 5.4 YCKT)/Требования К Подрядчику (5.3, 5.4 Технические требования)/Requirements for contractors (5.3, 5.4 Technical requirements)	Nhà thầu chào kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu đối với nhân sự tham gia dịch vụ (mục 5.3, 5.4 của Yêu cầu kỹ thuật). Подрядчик представил техническое предложение, отвечающее требованиям к персоналу, участвующему в услуге (5.3, 5.4 Технические требования). The Contractor has submitted a technical proposal that meets the requirements for personnel participating in the service (5.3, 5.4 Technical requirements).	10	100%		
		Không đáp ứng được các yêu cầu về an toàn như trên. Не соответствует вышеуказанным требованиям безопасности. Does not meet the above requirements.		0%		
5	THỜI HẠN THỰC HIỆN DỊCH VỤ/СРОК ОКАЗАНИЯ УСЛУГ					
5.1	Thời Hạn Thực Hiện Dịch Vụ/Срок Оказания Услуг	Nhà thầu chào kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu đối với thời gian thực hiện dịch vụ. Подрядчик представил техническое предложение, отвечающее требованиям по срокам оказания услуг. The Contractor has submitted a technical proposal that meets the requirements for timing of service.	5	100%		
		Không đáp ứng được các yêu cầu về thời gian thực hiện dịch vụ. Несоблюдение требований к качеству и техническому обслуживанию. Does not meet the above requirements.		0%		
6	TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU/ОБЯЗАННОСТИ ПОДРЯДЧИКА					
6.1	Trách Nhiệm Của Nhà Thầu/Обязанности Подрядчика/Contractor's responsibilities	Nhà thầu chào kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu đối với trách nhiệm của nhà thầu. Подрядчик представил техническое предложение, которое соответствует требованиям к обязанностям подрядчика. The Contractor has submitted a technical proposal that meets the requirements for contractor's responsibilities.	8	100%		
		Không đáp ứng được các yêu cầu về an toàn như trên. Не соответствует вышеуказанным требованиям безопасности. Does not meet the above requirements.		0%		

7 YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG/ТРЕБОВАНИЯ ПО ОБЕСПЕЧЕНИЮ БЕЗОПАСНОСТИ ТРУДА, ЗДОРОВЬЯ И ОХРАНЫ ОКРУЖАЮЩЕЙ СРЕДЫ						
7.1	Yêu Cầu Về Đảm Bảo An Toàn Lao Động, Vệ Sinh Công Nghiệp Và An Toàn Môi Trường/Требования По Обеспечению Безопасности Труда, Здоровья И Охраны Окружающей Среды/ Requirements on labor safety, industrial hygiene, environmental safety.	Nhà thầu chào kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, an toàn môi trường. Подрядчиком представлено техническое предложение, отвечающее требованиям охраны труда, промышленной санитарии, экологической безопасности. The Contractor has submitted a technical proposal that meets the requirements for labor safety, industrial hygiene, environmental safety.	8	100%		
		Không đáp ứng về các yêu cầu như trên. Не соответствует вышеуказанным требованиям.		0%		
8	YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT/ТРЕБОВАНИЯ К ТЕХНИЧЕСКОЙ ДОКУМЕНТАЦИИ					
8.1	Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật nhà thầu cần cung cấp kèm theo chào hàng giai đoạn đấu thầu/Требования к технической документации, которую подрядчик должен предоставить вместе с тендерным предложением, включают как	Nhà thầu cung cấp đầy đủ hồ sơ kỹ thuật trong giai đoạn đấu thầu. На этапе торгов Подрядчиком представлено техническое предложение, соответствующее требованиям к документам, предоставляемым при проведении торгов. The Contractor has submitted a technical proposal that meets the requirements for documents is provide when bidding at the bidding stage.	5	100%		
		Không đáp ứng về các yêu cầu như trên. Не соответствует вышеуказанным требованиям.		0%		
8.2	Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật khi thực hiện dịch vụ/ Требования к технической документации при оказании услуг/Technical documents when performing the service	Nhà thầu chào kỹ thuật cam kết đáp ứng đầy đủ về yêu cầu tài liệu kỹ thuật sẽ cung cấp khi thực hiện dịch vụ. Подрядчик по техническому предложению обязуется в полной мере соблюдать требования технической документации, предоставляемой при выполнении услуги. The technical proposal contractor commits to fully meet the technical document requirements to be provided when performing the service.	6	100%		
		Không đáp ứng về các yêu cầu như trên. Не соответствует вышеуказанным требованиям.		0%		

9	CHỨNG CHỈ CẦN THIẾT/НЕОБХОДИМЫЕ СЕРТИФИКАЦИИ/ CERTIFICATES REQUIRMENT					
9.1	Chứng Chỉ Cần Thiết/Необходимые Сертификации/ Certificates requirment	Nhà thầu chào kỹ thuật cam kết đáp ứng đầy đủ về các loại chứng chỉ khi thực hiện dịch vụ. Подрядчик технического предложения обязуется полностью выполнить требования сертификации. The technical proposal contractor commits to fully meet the certification requirement.	10	100%		
		Không đáp ứng về các yêu cầu như trên. Не соответствует вышеуказанным требованиям. Does not meet the above requirements.		0%		
		TỔNG ĐIỂM Ở MỨC 1 (100 cao nhất) ОБЩИЙ БАЛЛ ПО УРОВНЮ 1 ОЦЕНКИ (макс. 100 баллов) TOTAL SCORE OF THE EVALUATION LEVEL 1 (max 100 points)	100			

Ghi chú/Примечания/Notes:

Điều kiện ĐẠT: Tổng điểm ở mức bằng hoặc cao hơn 80 điểm và đạt 100% ở mục 9.1.

Условие "СОТВ.": общий балл оценки равен либо выше 80 баллам и должна соответствовать 100% по пунктам 9.1.

Điều kiện LOẠI: Tổng điểm ở mức thấp hơn 80 điểm hoặc không đạt 100% ở mục 9.1.

Условие "ИСКЛ.": общий балл оценки ниже 80 баллов или не соответствует 100% по пунктам 9.1.

Thỏa thuận/Согласовано/Agreed by:

Tr P.BDKT&SC Начальник ОТОиР

Mai Phuong Nam

P BDKTSC Зам. начальника ОТОиР

Phạm Văn Hùng

Soạn thảo/Исполнитель/Prepared by:

Chuyên viên P. BDKT&SC/ Спец. ОТОР ПМТиВР

Luu Hoai Son

Kỹ Sư/Инженер

Thái Anh Đức